UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33 /BC- UBND	*Hưng Yên, ngày 07 tháng 3 năm 2014*

BÁO CÁO
Về việc giải quyết kiến nghị của cử tri

Kính gửi: Đoàn Công tác Ban Dân nguyện –
Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Công văn số 41/BDN ngày 08/02/2014 của Ban Dân nguyện - Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

UBND tỉnh Hưng Yên báo cáo những nội dung chính sau:

I. VIỆC GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI VỀ KHÓ KHĂN TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ LÚA GẠO, ĐẢM BẢO CHO NGƯỜI TRỒNG LÚA CÓ LÃI TRÊN 30%

1. Khái quát đặc điểm, tình hình của địa phương liên quan đến sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa gạo nói riêng

- Về điều kiện tự nhiên: Hưng Yên là một tỉnh đồng bằng, không có đồi, núi, không có biển; địa hình tương đối bằng phẳng, với diện tích đất tự nhiên 92.603 ha, trong đó đất nông nghiệp 58.285 ha (diện tích đất trồng lúa trên 40.000 ha; diện tích trồng cây ăn quả trên 8.000 ha, diện tích trồng cây rau màu, cây hàng năm khác 5.773 ha), diện tích đất mặt nước 4.866 ha;

- Hưng Yên có 9 huyện và 01 thành phố, dân số tỉnh Hưng Yên khoảng 1,2 triệu người, trong đó dân số nông thôn 1 triệu người (chiếm hơn 83%).

Nông nghiệp Hưng Yên phát triển khá toàn diện và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp thủy sản bình quân giai đoạn 2008-2013 đạt 2,4%, năng suất lúa 63,56 tạ/ha, sản lượng lúa bình quân đạt 51,8 vạn tấn, diện tích lúa chất lượng cao đạt trên 57 %; an ninh lương thực bảo đảm, bình quân lương thực đạt 430 kg/người/năm. Một số mặt hàng nông sản (Nhãn lồng, gà Đông Tảo, chuối tiêu hồng, cam, quýt, quất cảnh...) đã có thương hiệu và được thị trường tin dùng.

Trong những năm qua, diện tích đất nông nghiệp của tỉnh có xu hướng giảm dần, nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển, tăng về giá trị sản xuất và có sự chuyển biến tích cực theo hướng nâng cao chất lượng; nhiều tiến bộ khoa học - công nghệ về giống, kỹ thuật thâm canh tiên tiến đã được ngành nông nghiệp và người nông dân tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng sản xuất có hiệu quả; bước đầu đã hình thành các mô hình, các vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung, có giá trị kinh tế cao. Năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ngày càng được nâng lên; giá trị xuất khẩu nông, lâm, thuỷ sản tăng nhanh, an ninh lương thực được đảm bảo... tiêu biểu trong ngành sản xuất lúa gạo có mô hình sản xuất lúa ĐS1 ở xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động và mô hình

sản xuất lúa Nhật-Akita Komachi ở xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu là những mô hình SX mới hiệu quả.

2. Tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về đảm bảo cho người trồng lúa có lãi

2.1. Triển khai thực hiện chính sách, pháp luật của Trung ương và một số cơ chế, chính sách của tỉnh:

- Miễn thuỷ lợi phí cho các hộ gia đình, cá nhân (tỉnh Hưng Yên thực hiện sớm so với toàn quốc); mỗi năm ngân sách cấp bù gần 120 tỷ đồng.

- Triển khai hỗ trợ người dân quản lý đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/05/2012 của Chính phủ.

- Triển khai chính sách hỗ trợ nông dân mua máy nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bên cạnh đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân nói chung và người trồng lúa nói riêng; đã ban hành, phê duyệt nhiều chương trình, đề án, dự án tạo cơ sở và nguồn lực để ngành nông nghiệp triển khai tới các địa phương và nông dân đạt hiệu quả, như:

+ Chương trình "Phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020" của Tỉnh ủy tỉnh Hưng Yên;

+ Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 14/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục dồn thửa đổi ruộng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2015;

+ Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của UBND tỉnh quy định về dồn thửa đổi ruộng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2015;

+ Đề án "Phát triển giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020" của tỉnh Hưng Yên; tổng kinh phí theo đề án là 324,77 tỷ đồng.

+ Dự án "Duy trì và nâng cao năng lực hệ thống sản xuất giống lúa tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015" (phê duyệt năm 2011), tổng kinh phí tỉnh cấp hỗ trợ là 19,885 tỷ đồng.

+ Hàng năm tỉnh có cơ chế hỗ trợ nông dân kinh phí mua giống lúa lai, lúa thuần chất lượng cao để gieo cấy, cụ thể:

Năm 2012, hỗ trợ 9,294 tỷ (Quyết định số 2068/QĐ-UBND, ngày 12/12/2011); năm 2013, hỗ trợ 15,31 tỷ đồng (Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 26/10/2012); năm 2014, hỗ trợ 18,323 tỷ đồng (Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 25/10/2013). Ngoài hỗ trợ của tỉnh, các huyện đều hỗ trợ thêm để nông dân mua giống, mức hỗ trợ gần tương đương mức hỗ trợ của tỉnh.

- Hàng năm, tỉnh đều trích ngân sách hỗ trợ diệt chuột đồng loạt trên địa bàn tỉnh (vào thời điểm đổ ải đầu vụ Xuân), mỗi năm khoảng 2 tỷ đồng và ngân sách huyện chi khoảng 2 tỷ đồng để diệt chuột.

Ngoài ra, ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh còn hỗ trợ nông dân trồng cây vụ Đông, hỗ trợ thiên tai, hạn hán, đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và nhiều hỗ trợ khác để phát triển nông nghiệp, nông thôn...

2.2. Các giải pháp chính đã thực hiện:

Ngoài triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo ngành nông nghiệp và các địa phương thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, cụ thể:

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất và cung ứng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất lúa của nông dân như: giống, phân bón, thuốc BVTV, phương tiện làm đất...

- Riêng lĩnh vực giống lúa, dự án của tỉnh đã hỗ trợ, tổ chức sản xuất khoảng 500 ha giống lúa hàng năm, cho ra gần 2.500 tấn giống xác nhận; đáp ứng khoảng 65% nhu cầu sử dụng giống lúa thuần của nông dân (với giá thành rẻ hơn thị trường 20-30%); thông qua chính sách hỗ trợ giá giống lúa lai, lúa thuần chất lượng cao đáp ứng được khoảng 15-20% nhu cầu; lượng giống còn lại do thị trường tự do cung cấp.

- Lĩnh vực phân bón, tỉnh đã chỉ đạo Hội Nông dân tỉnh ký kết hợp tác với Công ty phân bón Ninh Bình, Nhà máy phân lân Văn Điển để cung ứng chậm thanh toán cho nông dân (trả tiền phân sau khi thu hoạch), mỗi năm trên 7000 tấn phân NPK tổng hợp, giúp nông dân giảm thiểu khó khăn ở đầu vụ gieo, cấy.

- Hàng năm, thông qua các đoàn thể và hệ thống khuyến nông các cấp, làm tốt công tác khuyến nông phục vụ sản xuất. Năm 2013, đã tổ chức 405 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho trên 20.000 lượt nông dân về giống, phân bón, kỹ thuật canh tác (Biện pháp canh tác lúa cải tiến SRI, Quản lý cây trồng tổng hợp ICM, "1 phải 5 giảm"...) góp phần giảm chi phí đầu tư đầu vào của sản xuất, giảm sâu bệnh và ô nhiễm môi trường, tăng hiệu quả sản xuất.

- Tăng cường thử nghiệm, ứng dụng triển khai các mô hình "Cánh đồng mẫu" trong sản xuất các cây trồng nói chung và sản xuất lúa nói riêng. Năm 2013 đã thực hiện được 44 cánh đồng mẫu với diện tích trên 1.600 ha chuyên sản xuất lúa giống và lúa thương phẩm chất lượng cao, cung cấp gạo cho các thành phố lớn và xuất khẩu. Mô hình sản xuất lúa chất lượng ĐS1 quy mô 50 ha tại huyện Kim Động cho thu nhập cao hơn so với sản xuất đại trà 300 ngàn đồng/sào (tương đương 8,3 triệu đồng/ha).

- Từng bước tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp cung ứng, dịch vụ đầu vào và đầu ra với nông dân, thông qua xây dựng cánh đồng mẫu để tiêu thụ lúa hàng hoá như Công ty TNHH Tường Lân, Công ty TNHH An

Đình, Công ty Cổ phần nông nghiệp kỹ thuật cao Hải Phòng, Công ty giống cây trồng Hưng Yên...

- Miễn 100% thuỷ lợi phí cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp nói chung, trồng lúa nói riêng. Hỗ trợ người dân quản lý đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/05/2012 của Chính phủ.

- Tích cực đầu tư, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất lúa như hỗ trợ 07 máy gặt đập liên hợp, hỗ trợ hơn 800 công cụ gieo sạ hàng, nhằm giảm công lao động và chi phí cho nông dân. Hiện nay tỉnh đang xây dựng đề án cơ giới hóa trong sản xuất, nhằm hỗ trợ một phần kinh phí và cung cấp tín dụng cho nông dân mua máy móc thiết bị làm đất, gieo cấy, thu hoạch và sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, tăng lợi nhuận cho nông dân.

- Duy trì thường xuyên trang thông tin điện tử của ngành nông nghiệp; hàng năm in ấn khoảng 21.000 cuốn bản tin sản xuất và thị trường (1tuần/số); in 1.500 cuốn thông tin khuyến nông, góp phần đưa nhanh tiến bộ KHKT vào sản xuất, giúp tăng hiệu quả và lợi nhuận của người sản xuất lúa.

- Chủ động hỗ trợ và kịp thời đề xuất với Chính phủ có chính sách hỗ trợ giống, thuốc bảo vệ thực vật,... khi bị thiên tai, dịch bệnh để nông dân nhanh chóng phục hồi sản xuất.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, UBND tỉnh chỉ đạo ngành nông nghiệp và các địa phương thực hiện tốt các chương trình, đề án, dự án đầu tư phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng CNH-HĐH. Trong đó, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng và mùa vụ; xây dựng, hoàn thiện các mô hình tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn; rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất phù hợp với từng địa phương; quy hoạch và khuyến khích phát triển các vùng sản xuất lúa chất lượng cao gắn với sản xuất hàng hóa, cụ thể như sau:

- Về giống lúa: Lúa chất lượng cao năm 2013 đạt 57%, (chỉ tiêu Đại hội đến 2015 là 55%); Lúa lai chất lượng cao năm 2013 là 16% (năm 2008 5,3%);

- Tuyên truyền, vận động và chỉ đạo nông dân bỏ trà lúa dài ngày, năng suất thấp, dễ bị ảnh hưởng do thiên tai thời tiết bất thuận sang cấy Xuân muộn. Năm 2010 diện tích cấy trà Xuân sớm chiếm 7,1 %, năm 2014 không còn diện tích trà xuân sớm dài ngày.

- Về năng suất, sản lượng: Mặc dù diện tích cấy lúa giảm do chuyển sang các mục đích khác, nhưng năng suất tăng, nên sản lượng thóc vẫn giữ ổn định, cụ thể: Năm 2008 tổng diện tích gieo trồng là 81.749 ha, đến năm 2013 diện tích giảm còn 80.761 ha, trong đó: Vụ Đông Xuân tương đối ổn định, vụ Mùa có chiều hướng giảm. Năng suất lúa bình quân giai đoạn 2008-2013 đạt

63,56 tạ/ha (năm 2012, cao nhất đạt 64,63 tạ/ha). Sản lượng lúa bình quân giai đoạn 2008-2013 đạt 51,8 vạn tấn, năm 2013 đạt 51,5 vạn tấn.

- ***Cơ giới hóa***: Việc đầu tư trang bị máy móc trong sản xuất ngày càng được mở rộng góp phần nâng cao hiệu quả của sản xuất: Khâu bơm nước tưới tiêu, làm đất, khâu vận chuyển, tuốt đập lúa đạt 100%; riêng khâu cấy, khâu thu hoạch lúa, tỷ lệ cơ giới hóa đạt thấp.

- ***Về lao động:*** Theo kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, toàn tỉnh có 147.494 hộ tham gia sản xuất nông nghiệp trên tổng số 283.618 hộ, chiếm 52,11%; số lao động trong nông nghiệp là 225.613 người/tổng số 508.490, chiếm 44,33%; lao động qua đào tạo đạt trên 45%. Tuy nhiên, do bình quân ruộng đất thấp (500m^2/1khẩu), nên thu nhập bình quân không cao.

- ***Về tiêu thụ sản phẩm:*** Ngoài phần đáp ứng nhu cầu lương thực cho nhân dân và phát triển chăn nuôi, nông sản chủ yếu tiêu thụ thông qua các cơ sở xay xát, chế biến để cung cấp cho thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh hoặc chế biến bánh các loại, bún, rượu,... Riêng xuất khẩu gạo của tỉnh không lớn, mấy năm gần đây không ổn định, mỗi năm khoảng 20. 000 đến 25. 000 tấn.

- Nhiều mô hình "cánh đồng mẫu" đang được thực hiện, nhân rộng; mối liên kết giữa nhà nước - doanh nghiệp và nông dân ngày càng hiệu quả hơn.

3.2. Những yếu kém, tồn tại:

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình sản xuất lúa của Hưng Yên còn nhiều yếu kém, bất cập:

- Bình quân ruộng đất ít, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; trình độ sản xuất thâm canh không đồng đều giữa các địa phương; sản xuất lúa theo hướng hàng hoá còn thấp;

- Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn. Lực lượng lao động trong sản xuất nông nghiệp đang có xu hướng "già hóa", một số nơi thiếu lao động ở thời điểm chính vụ gieo, cấy và thu hoạch;

- Cơ giới hóa trong sản xuất đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế như: máy móc nhỏ còn nhiều, số lượng cơ giới hóa hạn chế, nhất là khâu cấy, khâu thu hoạch lúa, tỷ lệ cơ giới hóa đạt thấp. Cơ chế, chính sách hỗ trợ và tín dụng trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất còn nhiều bất cập, người nông dân khó tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi;

- Những năm gần đây, giá vật tư đầu vào, giá dịch vụ làm đất, thu hoạch ngày càng tăng, trong khi giá thóc ổn định, nên hiệu quả sản xuất không cao, dẫn đến nhiều nơi nông dân không gắn bó với đồng ruộng, một số nơi có tình trạng nông dân bỏ ruộng, trả ruộng.

Theo tính toán của ngành nông nghiệp: Năng suất lúa giai đoạn 2008-2013 trung bình của tỉnh là 63,56 tạ/ha/vụ, giá thóc thương lái thu mua trung bình 6.500đ/kg, cho thu nhập trung bình 41,3 triệu

đồng/ha/vụ, trừ chi phí (35,3 tr.đ/ha/vụ); người nông dân có lãi là 6,0 triệu đ/ha/vụ, tương đương 14,5%. Đó là chưa kể đến các yếu tố thiên tai như bão, lụt, dịch hại nghiêm trọng và giá thóc giảm..., thì thu nhập của người trồng lúa càng thấp, thậm chí không có lãi.

So với các cây trồng khác như nhãn, vải, chuối, cam, bưởi...; lãi từ trồng lúa thấp hơn rất nhiều; vì vậy, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách để nông dân được phép chuyển đổi sang nuôi, trồng cây, con cho thu nhập cao hơn, nhưng vẫn giữ được đất trồng lúa, đảm bảo an ninh lương thực.

3.3. Nguyên nhân yếu kém và một số vướng mắc khi thực hiện chính sách:

a) Vướng mắc, bất cập về cơ chế, chính sách:

Mặc dù đã có nhiều chính sách cho sản xuất nông nghiệp, tuy vậy khi áp dụng vào thực tiễn còn nhiều bất cập, chưa theo kịp thực tế, nông dân vẫn khó tiếp cận với các chính sách đã ban hành, cụ thể:

- Mức hỗ trợ theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông, mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị là thấp so với khả năng của nông dân miền Bắc (ở địa bàn đồng bằng hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 75 triệu đồng, trong khi giá máy gặt đập liên hợp liên doanh Việt Trung trên 300 triệu đồng /chiếc, máy cấy loại trung 350-370 triệu đồng /chiếc).

- Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Việc thực hiện chính sách gặp khó khăn, bất cập trong thực tế; vì theo Quyết định này nông dân được hỗ trợ lãi suất để vay vốn mua máy, nhưng "*phải là máy, thiết bị mới, chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa*"; trong khi nông dân có nguyện vọng muốn mua một số máy đã qua sử dụng nhưng chất lượng còn tốt của Nhật Bản, Hàn quốc,...như máy làm đất, gặt đập,...không nằm trong diện hỗ trợ.

- Điều kiện vay vốn của hệ thống tín dụng rất khó tiếp cận, nhất là đối với nguồn vốn vay cho người sản xuất nông nghiệp.

- Mức hỗ trợ nông dân quản lý, sử dụng đất lúa theo Nghị định 42/2012/NĐ-CP rất thấp (500.000đ/ha tương đương 18.000đ/sào không có nhiều ý nghĩa trong thực tế, thậm chí người dân không muốn nhận, vì vậy đề nghị Trung ương nên xem xét chuyển hình thức hỗ trợ người nông dân làm đường ra đồng sẽ phát huy hiệu quả cao hơn.

b) Nguyên nhân yếu kém

- Hiệu quả của sản xuất lúa thấp so với các loại cây trồng khác; chi phí sản xuất ngày càng tăng, mặt khác sản xuất nông nghiệp gặp rủi ro lớn (thiên tai, dịch bệnh... có thể gây mất mùa) không khuyến khích được nông dân tích cực đầu tư vào sản xuất.

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông sản hàng hóa;

- Công nghiệp, dịch vụ phát triển đã thu hút lao động trẻ, nên sản xuất nông nghiệp thiếu lao động có sức khỏe, có kiến thức, lao động được đào tạo.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Chính phủ sớm sửa đổi, thay thế Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012, giao quyền cho các địa phương chủ động hơn trong việc chuyển mục đích sử dụng đất trong phạm vi quy hoạch được Chính phủ phê duyệt; cho phép các địa phương chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập cho nông dân.

- Chính phủ chỉ đạo xây dựng, ban hành các văn bản quy định về thu phí tiêu nước công nghiệp; chính sách hỗ trợ dồn thửa, đổi ruộng và tích tụ ruộng đất tạo điều kiện cho sản xuất hàng hóa; chính sách hỗ trợ cho các Hợp tác xã dịch vị nông nghiệp; tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc mở rộng mô hình "cánh đồng mẫu" ở các địa phương và thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến lúa, gạo.

- Đề nghị sửa đổi Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi: Hỗ trợ thủy lợi phí cho nông dân đến mặt ruộng (thay vì hỗ trợ đến cống đầu kênh).

II. VIỆC GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI NÓI CHUNG, NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ THU NHẬP THẤP Ở ĐÔ THỊ VÀ NHÀ Ở CÔNG NHÂN Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH NÓI RIÊNG

1. Kết quả giải quyết khó khăn về nhà ở đối với người có thu nhập thấp ở đô thị, công nhân ở các khu công nghiệp và nhà ở học sinh, sinh viên:

1.1. Tình hình và kết quả:

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, do tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối nhanh, mức sống của người dân trong tỉnh được cải thiện và nâng cao, nên nhìn chung nhà ở của người dân được cải thiện rõ rệt, kể cả ở thành thị và nông thôn; nhiều nhà kiên cố, cao tầng được xây dựng mới, cải tạo bằng các loại vật liệu bền vững; trang bị nội thất, đồ dùng phục vụ cuộc sống ngày càng đầy đủ, tiện nghi hơn. Hiện tại, tỉnh đang chỉ đạo đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư phát triển nhà ở cho các đối tượng là công nhân các khu công nghiệp, người thu nhập thấp khu vực đô thị (Có phụ lục số 1, phụ lục số 2 kèm theo).

Việc phát triển quỹ nhà ở xã hội và triển khai thực hiện nhà ở xã hội trên toàn tỉnh trong thực tế gặp rất nhiều khó khăn, các chương trình nhà ở xã hội cho cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan, quân nhân, nhà ở cho người

thu nhập thấp; nhà lưu trú công nhân... kết quả đạt được chưa nhiều, chưa tương xứng và đáp ứng được nhu cầu về nhà ở của số đông các đối tượng này.

a) Nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có khoảng 20% số hộ có nhà ở chật hẹp, trong đó khoảng 50% hộ khó khăn về nhà ở.

Để giải quyết vấn đề nhà ở cho người thu nhập thấp tại thành phố Hưng Yên, tỉnh đã cho phép Công ty Tân Sáng điều chỉnh dự án khu đô thị, xây dựng khu chung cư có diện tích căn hộ thấp để bán cho người có thu nhập thấp, thu nhập trung bình ở thành phố Hưng Yên, tổng số gần 90 căn hộ; đã tiếp nhận và tạo điều kiện bàn giao mặt bằng sạch cho Công ty PH thực hiện Dự án xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại thành phố Hưng Yên. Dự án nhà ở cho người thu nhập thấp của Công ty PH trên địa bàn thành phố Hưng Yên có tổng mức đầu tư là: 504.225.806.000 đồng, với nguồn vốn tự có của chủ đầu tư, vốn vay và vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác; theo dự án, tổng số căn hộ là 856 căn, khi hoàn thành sẽ cơ bản giải quyết được chỗ ở cho người thu nhập thấp, công chức, viên chức trẻ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh.

Dự án trên luôn được UBND tỉnh, các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND thành phố tạo mọi điều kiện thuận lợi để sớm đưa dự án vào khai thác (Vị trí thuận lợi ở trung tâm thành phố, đất đã GPMB và được đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ, đã được cấp giấy phép xây dựng, được nhân dân ủng hộ...). Tuy nhiên, dự án này chưa triển khai, với nguyên nhân là Chủ đầu tư khó khăn về huy động vốn đầu tư; thị trường BĐS cả nước cũng như Hưng Yên đều xuống rất thấp và ít giao dịch.

b) Nhà ở cho hộ nghèo và người có công với cách mạng

- Thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, tỉnh Hưng Yên đã huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ủng hộ trên 25 tỷ đồng cùng với hỗ trợ từ ngân sách và người dân tham gia nên đã hoàn thành 100% số hộ với 2.169 nhà (sớm hơn kế hoạch một năm).

- Thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, theo đó trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sẽ có 3.396 hộ người có công được hỗ trợ về nhà ở (trong đó có 848 hộ đề nghị xây mới và 2.548 hộ sửa chữa). Ngoài hỗ trợ của Trung ương, tỉnh quyết định hỗ trợ thêm từ ngân sách tỉnh 06 triệu đồng/hộ xây mới; 03 triệu đồng/hộ sửa chữa; với tổng kinh phí trên 12 tỷ đồng.

c) Nhà ở cho công nhân: Trong những năm gần đây, các khu, cụm công nghiệp của tỉnh phát triển mạnh, do đó lượng công nhân cũng tăng nhanh, nhất là tại các khu công nghiệp, các huyện Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Giang....

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có khoảng gần 100.000 công nhân làm việc thường xuyên trong các doanh nghiệp trong đó khoảng 65.000 lao động ở các vùng tập trung nhiều doanh nghiệp (cả trong và ngoài các khu công nghiệp). Ngoài số lao động là người địa phương (khoảng 60-65%) ở tại gia đình họ, số còn lại ở trong các nhà trọ tự phát trong dân; nhiều khu trọ do dân tự xây dựng có chất lượng kém, điều kiện sống chật chội, tạm bợ, không đảm bảo an toàn vệ sinh, an ninh, trật tự; ảnh hưởng đến đời sống công nhân. Trong khi nguồn lực đầu tư từ ngân sách tỉnh hạn hẹp, nên việc kêu gọi đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp là cần thiết và cấp bách.

Hiện nay có một số dự án nhà ở cho công nhân đã được cấp giấy chúng nhận đầu tư để từng bước xây dựng: Khu nhà ở xã hội Phúc Hưng đang triển khai xây dựng, khu nhà ở của Công ty Bia Hà Nội - Hưng Yên đang thu hồi đất, Khu nhà ở công nhân - nhà ở xã hội của Khu công nghiệp Thăng Long 2 đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư và kêu gọi tài trợ. Dự án Khu nhà ở xã hội Phúc Hưng trên địa bàn huyện Mỹ Hào với tổng diện tích sàn căn hộ là 19.686m2 do Cty TNHH Đầu tư xây dựng và Dịch vụ thương mại làm Chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư là 125,3 tỷ đồng. Dự án nhà ở công nhân - nhà ở xã hội tại Khu công nghiệp TLIP 2 gồm 06 khối nhà 5 tầng, với diện tích sàn là 53.230 m^2.

Bên cạnh đó một số dự án đô thị, nhà ở thương mại cũng được tỉnh chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu, trong đó có 20% số căn hộ cho người thu nhập thấp như dự án của Công ty Tân Sáng, Kinh Đô, Lạc Hồng...đã được duyệt quy hoạch.

d) Nhà ở sinh viên: Trên địa bàn toàn tỉnh có 4 trường đại học, 6 trường cao đẳng và 8 trường trung cấp chuyên nghiệp, với gần 40.000 sinh viên trong đó 20.000 sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá (tỷ lệ 50%). Hiện nay các ký túc xá đã đảm bảo chỗ ở cho gần 6c000 sinh viên (tỷ lệ 30%).

Hiện nay, tỉnh đã đầu tư xây dựng 3 dự án nhà ở sinh viên gồm: Dự án Nhà ở sinh viên cụm các trường khu vực thành phố Hưng Yên do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư (CĐT), tổng diện tích sàn là 14.425 m^2; Dự án ký túc xá Trường Cao đẳng Công nghiệp do Trường Cao đẳng Công nghiệp làm CĐT, tổng diện tích sàn là 10.926 m^2; Dự án đầu tư xây dựng nhà Ký túc xá C2, tổng diện tích sàn là 2.560 m^2 và dự án Ký túc xá C3, tổng diện tích sàn là 1.620 m^2 do Trường CĐSP Hưng Yên làm CĐT. Thời gian tới, tỉnh sẽ chỉ đạo xây dựng một số Dự án: Khu nhà ở ký túc xá sinh viên, cụm các trường khu vực huyện Yên Mỹ ; khu ký túc xá sinh viên, khu Đại học Phố Hiến (Có phụ lục số 3 kèm theo).

1.2. Đánh giá chung:

- Trong những năm qua, chịu ảnh hưởng chung từ thị trường BĐS xuống thấp của cả nước, các dự án dành cho các đối tượng người có thu nhập thấp, công nhân các khu công nghiệp, học sinh, sinh viên của tỉnh Hưng Yên đều triển khai chậm hoặc cầm chừng do Chủ đầu tư khó khăn về huy động vốn, giá thành sản phẩm bán ra khó khăn. Riêng nhà ở học sinh, sinh viên, đáp ứng tỷ lệ 74,9% là do có nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- Hạn chế, yếu kém: Bên cạnh những kết quả đã đạt, công tác phát triển và quản lý nhà ở còn một số hạn chế, yếu kém chính sau:

+ Trong thời gian qua, mới chỉ tập trung phát triển nhà ở thương mại, có ít nhà đầu tư quan tâm tới việc phát triển nhà ở xã hội.

+ Việc triển khai đầu tư xây dựng một số dự án nhà ở xã hội, nhất là dự án nhà ở thu nhập thấp ở đô thị, dự án nhà ở công nhân các khu công nghiệp còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu;

- Nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém: Chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của vấn đề nhà ở trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nguồn lực dành cho phát triển nhà ở còn hạn chế.

2. Kiến nghị, đề xuất:

- Đề nghị bỏ quy định "nhà ở phải được hoàn chỉnh và thực hiện việc giao dịch qua sàn bất động sản đúng theo quy định đối với những trường hợp bắt buộc phải thông qua sàn".

- Cải tiến điều kiện vay vốn ưu đãi (gói 30.000 tỷ đồng) đối với Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội. Đồng thời nên có cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo hình thức BT./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Ban Dân nguyện – UBTVQH;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP
- CV: XDCB[C]; NN[T]
- Lưu VP, CV: TNMT[K]

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Minh Ngọc